

Số: /UBND-KT
V/v hướng dẫn quy định về
khoảng cách, quy mô, điều kiện,
quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá
nhân chăn nuôi trên địa bàn

Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Trưởng các thôn;
- Các hộ gia đình, cơ sở, trang trại chăn nuôi trên địa bàn.

Hiện nay, hoạt động chăn nuôi trên địa bàn xã chủ yếu là quy mô nông hộ nhỏ lẻ, phân bố xen kẽ trong khu dân cư và một số trang trại quy mô vừa hoặc nhỏ. Nhiều cơ sở chăn nuôi chưa đầu tư đầy đủ hệ thống xử lý chất thải, tình trạng xả thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm không khí, nguồn nước và ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân xung quanh. Bên cạnh đó, việc đảm bảo vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh ở một số cơ sở chưa được chú trọng đúng mức, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh.

Để giúp người chăn nuôi nắm rõ các quy định của pháp luật về chăn nuôi; phân biệt được các hình thức chăn nuôi theo quy mô sản xuất như: chăn nuôi nông hộ, trang trại; chọn lựa địa điểm chăn nuôi, thực hiện các quy định về điều kiện chuồng trại, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường,... UBND xã hướng dẫn quy định về quy mô chăn nuôi; khoảng cách an toàn; điều kiện chăn nuôi; quyền, nghĩa vụ khi thực hiện chăn nuôi như sau:

1. Quy mô chăn nuôi

Điều 15, Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường xác định quy mô chăn nuôi như sau:

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên: (≥ 150.000 kg).
- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi; từ 15.000kg - 150.000kg.
- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi; 5.000 - 15.000kg.
- Chăn nuôi nông hộ: Dưới 10 đơn vị vật nuôi: (dưới 5.000 kg)

Hướng dẫn quy định quy mô chăn nuôi đối với từng loại vật nuôi (theo phụ lục đính kèm).

2. Quy định khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại

Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 về Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 18/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ nông nghiệp và PTNT quy định:

- Nguyên tắc xác định khoảng cách trong chăn nuôi trang trại

+ Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến tường rào hoặc ranh giới của đối tượng chịu ảnh hưởng;

+ Nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến trang trại chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi của trang trại khác.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 100 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 150 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 200 mét; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 300 mét.

- Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét.

- Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét.

3. Quy định về điều kiện chăn nuôi trang trại

Điều 55 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định:

Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi;

- Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi;

- Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi;
- Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi;
- Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

4. Quy định về chăn nuôi nông hộ

Theo Điều 56 Luật Chăn nuôi năm 2018, chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người;
- Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi;
- Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch;
- Thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

5. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chăn nuôi

Điều 57 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chăn nuôi như sau:

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi có quyền:
 - + Tổ chức, cá nhân đã thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 Luật Chăn nuôi được hỗ trợ thiệt hại, khôi phục sản xuất khi bị thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật;
 - + Được hưởng chính sách của Nhà nước có liên quan đến hoạt động chăn nuôi;
 - + Được tập huấn, đào tạo về chăn nuôi;
 - + Quảng bá sản phẩm theo quy định của pháp luật;
 - + Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện liên quan đến chăn nuôi theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi có nghĩa vụ:
 - + Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật chăn nuôi;
 - + Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi;
 - + Xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
 - + Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định của pháp luật.

Trường hợp vi phạm, cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ phải cam kết khắc phục, bảo đảm điều kiện chăn nuôi trong thời gian 06 tháng kể từ ngày bị phát hiện vi phạm và gửi báo cáo kết quả khắc phục đến UBND xã. UBND xã tiến hành kiểm tra thực tế kết quả khắc phục.

- Chăn nuôi trang trại quy mô lớn được quản lý theo quy định tại Điều 23 (cấp giấy đủ điều kiện) và Điều 24 (đánh giá điều kiện chăn nuôi) của Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020.

6. Một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính liên quan

- Điều 31 Nghị định 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong chăn nuôi quy định: *“Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp xử lý phân, nước thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và gây ảnh hưởng đến người xung quanh”*.

- Khoản 2 điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường quy định: *“Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải”*.

- Điểm b, khoản 1 điều 25 Nghị định số 14/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong chăn nuôi quy định: *“đối với trang trại quy mô vừa và quy mô nhỏ, phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định”*

- Điểm b khoản 1 điều 14 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường quy định: *“Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với...cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có hành vi không đăng ký môi trường theo quy định”*

- Khoản 2 điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường quy định: *“Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải”*.

Việc chăn nuôi phải đảm bảo đúng quy định, phù hợp quy hoạch, không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến đời sống dân cư. Các trường hợp vi phạm sẽ được kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, UBND xã khuyến khích các cơ sở chăn nuôi từng bước chuyển đổi, phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, bền vững.

Trên cơ sở các quy định về quy mô chăn nuôi; khoảng cách an toàn; điều kiện chăn nuôi; quyền, nghĩa vụ khi thực hiện chăn nuôi,..; UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Trưởng các thôn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để toàn thể Nhân dân được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTT UBMTTQVN xã và các hội, đoàn thể;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Lan Hương

Phụ lục:**HƯỚNG DẪN QUY MÔ CHĂN NUÔI**

TT	Loại hình chăn nuôi	Quy mô (Số Đơn vị vật nuôi - ĐVN)	Số lượng vật nuôi quy đổi theo từng loại (con)
1	Chăn nuôi nông hộ	Dưới 10 ĐVN	Gà dưới 2.000 con; Lợn thịt dưới 50 con; Lợn nái dưới: 20 con; Trâu bò: dưới 15 con
2	Trang trại quy mô <u>nhỏ</u>	Từ 10 đến dưới 30 ĐVN	Gà: Từ 2.000 đến dưới 6.000 con; Lợn thịt: Từ 50 đến dưới 150 con; Lợn nái: Từ 20 đến dưới 60 con; Trâu, bò: Từ 15 đến dưới 45 con
3	Trang trại quy mô <u>vừa</u>	Từ 30 đến dưới 300 ĐVN	Gà: Từ 6.000 đến 60.000 con; Lợn thịt: Từ 150 đến 1.500 con; Lợn nái: Từ 60 đến 600 con; Trâu bò: Từ 45 đến 450 con
4	Trang trại quy mô <u>lớn</u>	Từ 300 ĐVN trở lên	Gà: trên 60.000 con; Lợn thịt: trên 1.500 con; Lợn nái: trên 600 con; Trâu bò: trên 450 con